

không làm phát sinh ra những hiệu ứng, hệ quả cùng loại ? Nếu sự trả thù chính đáng được thực hiện ngay lập tức, uy tín đạo đức mang tính phá hủy sẽ không xuất hiện. Tương tự, nếu sự đáp lại hoàn toàn có thể được dự đoán trước, tính chính đáng mang tính xây dựng có thể sẽ không được tích lũy.

Bốn chiều kích trong thực tế mối quan hệ

Như đã đề cập trong phần dẫn nhập, tiếp cận bối cảnh mở ra chiều kích đạo đức trong mối quan hệ nhưng đồng thời cũng tổng hợp những đóng góp của trường phái hệ thống và phân tâm học. Ta sẽ hiểu hơn về sự kết hợp này thông qua việc phân tích các chiều kích khác nhau, thành phần của từng mối quan hệ.

Chiều kích thứ nhất

Đó là chiều kích của những sự kiện sinh học, xã hội hay lịch sử, tạo nên hệ quả trên cán cân đạo đức của những trao đổi. Dù những sự kiện ấy thuận lợi hay bất lợi, ví dụ như khuyết tật, thăng tiến xã hội, căn bệnh, ly dị, cha mẹ ra đi, bạo hành, mất việc làm, những sự kiện ấy sẽ định vị một trong các đối tác trong một vị trí thuận lợi hay bất lợi. Các sự kiện cũng buộc hai bên đối tác phải xem xét cách thức mà họ muốn

hay không muốn tái lập sự công minh trong mỗi quan hệ. Các sự kiện này có thể thuộc về trật tự số phận, về tính công bằng chia sẻ hay về các mối quan hệ.

Sự kiện thuộc về số phận như sự khuyết tật, khiếm khuyết hay căn bệnh cũng có thể có ảnh hưởng đến một sự kiện thuộc về các mối quan hệ. Tiến trình trị liệu nhấn mạnh đến khía cạnh chứng kiến các sự kiện. Mỗi đối tác trong một mối quan hệ đặc trưng sẽ nhìn nhận cách mà cuộc đời, xã hội hay lịch sử đã tạo cho họ thuận lợi như thế nào và từ đó họ sẽ tỏ ra rộng lượng hay đòi hỏi, đưa yêu sách. Sau khi đã tạo ra không gian cần thiết cho việc bộc lộ những sự kiện bất công, nhà trị liệu có thể giúp thân chủ đặt lại câu hỏi về hệ quả của những sự kiện ấy trên các mối quan hệ của họ và đối mặt với các quan điểm khác nhau. Công việc này có thể khơi mở việc nhìn nhận những hệ quả không thể tách khỏi những sự kiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sự dẫn thân của từng tác nhân.

Chiều kích thứ hai

Chiều kích này thuộc về lĩnh vực tâm lý, bộ máy tâm trí. Trong từng mối quan hệ đều hiện hữu một thành phần tâm lý có nguồn gốc từ cách vận hành tâm trí của những cơ chế phóng chiếu tương tượng. Đặc trưng của tiếp cận theo bối cảnh là sự công nhận những thành tựu của phân tâm học nhưng không tối giản mối quan hệ thành những ham muốn vô thức nội

tâm thúc đẩy mối quan hệ ấy. Lấy một ví dụ, sự tin tưởng. Sự tin tưởng có thể xuất hiện ngay tức thời, mang tính « tưởng tượng », liên quan đến những năng nghĩa¹³ đặc trưng, ví dụ như việc ai đó có cảm giác tin tưởng những người tròn trịa hơn là những người mảnh mai. Ta đang ở trong chiều kích của một ý nghĩa được phóng chiếu. Bên cạnh đó còn có sự tin tưởng xứng đáng có được từ một mối quan hệ qua lại lâu dài.

Việc phối hợp hai chiều kích trên nằm ở khía cạnh hệ quả.

Đối với một người mẹ ám sợ nặng, không dám đi ra khỏi nhà, nhà trị liệu theo bối cảnh sẽ ít lưu ý đến việc giúp thân chủ hiểu rõ ý nghĩa vô thức của chứng ám sợ của cô ta hơn là giúp cô nhìn nhận về những nhu cầu của những người xung quanh như là đòn bẩy cho sự thay đổi. Nhà trị liệu theo bối cảnh sẽ giúp người mẹ này tìm ra những nguồn lực trong các mối quan hệ để giúp cho những đứa con của cô không bị

¹³ Tiếng Pháp “signifiant” (tiếng Anh “significant”) là một từ chuyên môn phân tâm theo trường phái Lacan, được dịch giả-nhà thơ-nhà ngôn ngữ học Dương Tường dịch là “năng nghĩa” trong cuốn “Chỉ tại con chích chòe”. Năng nghĩa là một trong hai thành tố chính của một đơn vị ngôn ngữ theo lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại của cha đẻ ngành ngôn ngữ học khoa học Ferdinand de Saussure (1857-1913). Năng nghĩa chính là phần ngữ âm của một từ, khác với “biểu nghĩa” (signifié/signified) chỉ ý nghĩa, đối tượng đang được nhắc tới. Ví dụ, trong từ “ba” trong tiếng Việt, tùy theo ngữ cảnh mà biểu nghĩa có thể là số 3, con ba ba hay người cha. Năng nghĩa là hợp âm [ba] và những hình tượng-cảm xúc gắn liền với ngữ âm này, độc lập với bối cảnh.

tước đoạt quyền đi ra khỏi nhà hay sinh hoạt bên ngoài.

Một ví dụ khác để giúp ta phân biệt chiều kích thứ hai này với chiều kích đạo đức trong mối quan hệ. Trong một phiên trị liệu nhóm, khi một thân chủ nam khơi gợi mối quan hệ của anh ta với người cha, ta có thể gợi ý rằng anh ta có thể bộc lộ hung tính của mình bằng việc đánh một cái gối. Tình huống ấy chỉ có thể mang lại cho một mình thân chủ ấy cảm giác nhẹ nhõm. Nhưng khi ấy, ta đang vận dụng đến một nguồn lực trị liệu khác chứ không phải tạo ra cơ hội để hai cha con có thể đối thoại về những điều còn đang gây tranh cãi.

Một tình huống khác, một thân chủ nam trẻ tuổi từng có hành vi vũ lực với thầy giáo của anh ta. Tất nhiên, ta có thể giúp anh ấy nhận định rằng sự hung hăng của anh ta lên thầy giáo là một hình thức chuyển cảm có nguồn gốc từ hình ảnh của người cha, nhưng ngoài ra ta có thể giúp anh ta suy nghĩ và nhìn nhận những tổn hại thực tế đã gây ra lên người giáo viên mà không xóa đi việc anh ta có thể « thấu hiểu » nguồn gốc của tính hung hăng của chính mình. Trong ví dụ đầu tiên, tâm kích có thể là một kỹ thuật đặc quyền của nhà trị liệu nhưng sẽ phong phú hơn nếu nhà trị liệu ấy có thể bước qua « giai đoạn cái gối » để nhắm đến sự hiện diện của người cha trong phiên làm việc, với mục đích giúp thân chủ trẻ tuổi bày tỏ, suy nghĩ

về mối quan hệ với cha. Chính trao đổi giữa cha và con có thể là cơ sở để phục dựng một sự đối thoại.

Chiều kích thứ ba

Đó là chiều kích mối quan hệ, tương giao và giao tiếp. Đây là chiều kích đặc trưng của trường phái nghiên cứu hệ thống. Trong chiều kích này, ta mô tả kiểu giao tiếp, những quy luật quan hệ - nền tảng của văn hóa và của huyền thoại gia đình. Đây cũng là chiều kích của những câu hỏi « như thế nào ». Như thế nào, bằng cách giao tiếp nào mà một người có thể nhờ một người khác làm giúp mình việc gì đó. Chiều kích này cũng bao hàm việc phân tích tương quan quyền lực trong mối quan hệ.

Dĩ nhiên, việc phân tích bối cảnh bao gồm những dữ liệu trên nhưng điều cốt yếu không phải là việc xác định ai là người mang quyền lực mà là việc đối thoại xem ai bị lợi dụng bởi ai trong mối quan hệ.

Không thể bỏ qua việc tìm hiểu xem một đứa trẻ có thể « nắm quyền » trong gia đình thông qua những triệu chứng như chán ăn hay tiểu đêm như thế nào. Nhưng với chính trẻ và gia đình trẻ, điều quan trọng hơn, thông qua việc nắm quyền ấy của trẻ, là việc xác định ai là người mà trẻ đã giúp bằng cách hy sinh cả tương lai của mình. Một lần nữa nhà trị liệu bối cảnh cần mạo hiểm suy nghĩ về những yếu tố giao

tiếp theo hướng hệ quả đạo đức của chúng, đồng thời khơi mở việc đối thoại bên trong gia đình.

Ví dụ, một nguyên tắc gia đình được công khai: « cha mẹ phải hết lòng vì con cái ». Những tuyên ngôn như vậy làm cho việc coi trọng giữa người này với người kia và sự đóng góp của từng thành viên trở nên khó khăn hơn. Luật lệ của hệ thống nhắm đến mục đích quản lý, kiểm soát những trao đổi giữa người này với người kia nhưng lại làm thu hẹp những đối thoại đạo đức đặc trưng.

Chiều kích thứ tư

Ta đã có dịp mô tả chiều kích này ở phần đầu sách và đây là sáng tạo của cách tiếp cận theo bối cảnh. Boszormenyi-Nagy đã luôn nỗ lực để chuyên biệt hóa khía cạnh này giữa muôn trùng những chiều kích khác. Chiều kích thứ tư vừa mang tính bao phủ, vừa là nhựa sống, là động lực của mỗi quan hệ, thậm chí là đòn bẩy trị liệu nền tảng. Ngôn ngữ đạo đức là thứ ngôn ngữ quan hệ cuối cùng mà một người loạn tâm có thể hiểu được. Chiều kích này như là một thực tế lâm sàng có liên quan đến trật tự nhân sinh của tính công bằng, gắn liền với tính nhân văn của con người trong các mối quan hệ.

Nếu trường phái trị liệu bối cảnh tập hợp cả bốn chiều kích nhân sinh, sự tổng hợp của các trường phái trị liệu khác nhau cần thiết lập một quy luật trong

thực tế các mối quan hệ. Một trường phái trị liệu muốn trở nên toàn vẹn thì cần phải tập hợp các yếu tố xác định thực tế mối quan hệ và sau đó sắp xếp theo trật tự phân tầng các mục đích và quy trình ưu tiên. Boszormenyi-Nagy phát biểu trong bài báo của tạp chí Dialogue (Đối thoại) số 111 rằng : « Nhà trị liệu càng chín và càng có kinh nghiệm thì càng ít mong đợi tìm ra một lý thuyết có thể thay thế và vượt lên trên những lý thuyết khác. Việc nhà trị liệu có kinh nghiệm ngày càng lưu tâm nhiều hơn đến những nguồn lực cá nhân và quan hệ là một điều dễ hiểu, bình thường. »

CHƯƠNG 2

Lòng trung thành

Ta có thể bước sang một giai đoạn mới để tìm hiểu sâu hơn về các mối liên hệ giữa người với người trong bối cảnh mối quan hệ. Đầu tiên, ta đã xem qua sự cân bằng giữa hai đối tác, sau đó đã nhận thấy rằng các đối tác đều có một quá khứ, một tính chính đáng mang tính xây dựng và phá hủy vẫn đang can thiệp vào những mối quan hệ hiện tại. Bây giờ, đi sâu hơn vào trong tiếp cận lâm sàng, ta sẽ xem xét rằng từng đối tác đều có những mối liên hệ đa chiều và mỗi bận tâm về những thế hệ tiếp theo.

Cách tiếp cận theo bối cảnh mở ra cho ta suy nghĩ về những xung đột lợi ích và những nhu cầu giữa các đối tác nằm trong cùng thế hệ hiện nay và các đối tác khác thuộc về những thế hệ quá khứ hay tương lai. Xung đột lợi ích là một chuyện thường thấy trong quan hệ gia đình. Cần lưu ý phân biệt xung đột lợi ích này với xung đột của ham muốn mang màu sắc Oedipe. Hai xung đột này là hai thực thể hoàn toàn khác nhau. Xung đột Oedipe là một xung đột nội tâm trong khi xung đột lợi ích mang thực tế của mối quan hệ. Xung đột lợi ích diễn ra hàng ngày. Dựa vào đâu mà một người cha trong gia đình quyết định dẫn con đi

đạo chiều chủ nhật hay dẫn chúng đến gặp bà? Khi ấy ông ta sẽ buộc người vợ đi theo thăm bà? Ông ta đang lo lắng, quan tâm đến ai? Ông ta hành động như vậy vì ông cảm thấy mắc nợ một ai đó hơn là những người khác, hay là vì ông biết rằng một số người đang dễ bị tổn thương hơn những người khác?

Xung đột về lòng trung thành được hình thành trong một bối cảnh quan hệ tam giác. Ai có quyền được ưu tiên quan tâm hơn? Đó là một câu hỏi khác với vấn đề được diễn đạt bằng tình cảm. Xét một ví dụ đưa ra bởi Boszormenyi-Nagy: “Một người đàn ông, mẹ và vợ anh ta cùng trên một con tàu... Cả hai người này đều rơi tõm xuống nước. Người đàn ông có thể sẽ cứu ai? Cách giải quyết câu hỏi này liệu có thể được xây dựng xung quanh sự gắn bó tính dục? Liệu câu trả lời sẽ xuất hiện từ những câu hỏi hiện sinh như: vợ anh ta có phải là một người mẹ không? Vậy thì sao lại tước đoạt người mẹ của những đứa con, mà điều này thì cũng không hề tước đoạt quyền làm mẹ của người bà hay quyền làm bà của đứa cháu tật nguyền. Cũng đúng khi nói rằng sự lựa chọn bất khả thi trên có thể làm tê liệt người đàn ông. Anh ta có thể lao ùm xuống nước nhưng không thể né tránh những vấn đề đạo đức. Những đứa con của anh ta sẽ trở nên mồ côi? Cho nên, vì không thể chịu đựng nổi xung đột trong tâm trí, anh ta sẽ trở nên không trung thành đối với những đứa con. Ta cũng có thể tưởng tượng rằng

những người phụ nữ đang cận kề cái chết cũng tham gia vào cuộc “tranh luận” trong sự quan tâm đạo đức đối với các thế hệ tương lai. Ví dụ, người bà có thể hy sinh bản thân để cứu những đứa cháu hay ngược lại, nhân mạng vào món nợ mà đứa con trai đã mắc với bà. Câu hỏi đạo đức ở đây là: sau này, điều gì sẽ giúp cho người đàn ông này có thể ngủ ngon? Duy trì sinh hoạt tình dục? Làm tròn vai trò của một người cha? Anh ta sẽ lựa chọn nhờ vào những gấn bó mang tính Oedipe, xu hướng tính dục hay nhờ vào việc suy nghĩ đến tất cả những hệ lụy đạo đức của sự lựa chọn?”.

Mẫu chuyện trên có công giúp ta dần sâu vào vấn đề của các xung đột về lòng trung thành.

Nếu ta xem xét kỹ hơn ví dụ đầu tiên trong đó người cha đang đứng trước một xung đột về lòng trung thành giữa mẹ ruột, người vợ và các con của ông ta: thực tế là chẳng có ai có trách nhiệm về tình huống này cả. Người bà có quyền được coi trọng nhưng cũng thật chính đáng để quan tâm, để tâm tới cảm giác dễ chịu của những đứa trẻ. Người đàn ông trên sẽ phải chọn lựa giữa quy định của mối quan hệ với mẹ ruột và với những đứa con. Nếu không chọn lựa thì sẽ càng vô trách nhiệm. Đó đã là một tình huống trong đó các lợi ích đi theo nhiều hướng khác nhau, dù các tác nhân không hề bị giằng xé bởi sự ghen tuông, tham vọng hay ham muốn. Ta có thể nói rằng xung đột giống như

một cái bẫy của bối cảnh sống. Xung đột này ghi dấu trách nhiệm đối với những dân thân đa chiều và duy trì cảm giác tội lỗi hiện sinh khi không thể thỏa mãn hết tất cả những khía cạnh đạo đức trong bối cảnh chung. Nhằm thoát khỏi cái bẫy mà cuộc sống đã giăng ra này, cần phải làm sáng tỏ vị trí của mỗi tác nhân trong thực tế đa chiều. Nỗ lực trong việc suy nghĩ đến điều này đã là dấu hiệu của sự quan tâm, chăm lo đạo đức đối với từng đối tác. Hiển nhiên, nếu mỗi tác nhân trong bối cảnh này đều có những nỗ lực tương tự, đối thoại sẽ được khơi thông và sẽ giúp hướng tìm ra những cách giải quyết. Nói cách khác, không ai thoát khỏi những hệ lụy đạo đức trong tình huống này nhưng mỗi người đều có thể tham gia và có trách nhiệm với hệ quả của những hành động của mình. Mỗi người đều có quyền trình bày những khó khăn của mình trước những người khác, hay nói khác hơn, có quyền tạo ra một không gian “cho đi” bằng sự tham gia và bằng sự quan tâm lên người khác.

Ta có thể tưởng tượng rằng sự đối thoại hay sự trao đổi đa chiều ấy sẽ mang giá trị như một thỏa hiệp có thể chấp nhận được đối với tất cả vì tất cả đều đã có công coi trọng nhu cầu của những người khác và giúp làm giảm bớt cảm giác tội lỗi hiện sinh. Trong ví dụ ấy, ta có thể cho rằng người đàn ông này hoàn toàn ý thức về trách nhiệm của mình đối với xung quanh.

Ở đây chỉ có một xung đột về lòng trung thành diễn ra hàng ngày, thậm chí là vụn vặt.

Thông thường, lòng trung thành là vô hình, nghĩa là không được biểu hiện dưới dạng sự coi trọng, quan tâm hoặc thậm chí ngược lại. Khi ấy thường diễn ra sự thiếu hụt trao đổi, đối thoại, trốn tránh hay bẻ tắc trong mỗi quan hệ. Dùng cách nói hình tượng, ta có thể nói rằng lòng trung thành vô hình giống như một chiếc tàu ngầm làm suy mòn những mối quan hệ giữa người trưởng thành và các bên thứ ba. Nói cách khác, lòng trung thành vô hình không được nhận diện sẽ ảnh hưởng, tác động lên mỗi quan hệ giữa một người với người bạn đời, gia đình của người bạn đời, thậm chí là lên trên những đứa con. Lòng trung thành vô hình trong một mối quan hệ dọc sẽ được biểu hiện trong những mối quan hệ ngang như mỗi quan hệ cặp đôi hay những mối quan hệ gần khác bằng những đổ vỡ hay sự hắt hủi. Chấp tranh với những thế hệ trước sẽ xuất hiện một cách vô hình trong những mối quan hệ được chọn lựa và những thế hệ sau.

Ở đây có hai khía cạnh quan trọng. Ta đang đứng trước một trong những biến thể của “món nợ xoay vòng”: làm cho những mối quan hệ ngang phải trả giá cho những điều không thể được giải quyết đối với những mối quan hệ dọc. Ta cũng nhấn mạnh đến tầm quan trọng của tính xuyên thế hệ trong các mối

quan hệ vì sự hiện hữu của lòng trung thành vô hình có thể làm gián đoạn đối thoại, dẫn thân, trách nhiệm đối với những mối quan hệ trong tương lai và đặc biệt là trên những đứa con. Tóm lại, quá khứ, hiện tại, tương lai được kết nối bằng những chuỗi trách nhiệm được nhận lãnh hay bị khước từ.

Lòng trung thành bị chia cắt

Để tiếp tục vấn đề về những lòng trung thành, hãy đề cập đến điều mà Boszormenyi-Nagy đã xem là tổn hại nghiêm trọng nhất đối với một đứa trẻ: sự chia cắt lòng trung thành. Ta đang ở trong cùng bối cảnh xung đột về lòng trung thành nhưng ở đây, sự lựa chọn là không thể xảy ra. Sự chia cắt lòng trung thành liên quan chủ yếu đến đứa trẻ đang trong tình trạng không thể chọn lựa. Tất cả những động thái đối với một người trong cặp đôi cha mẹ nhằm cho đi hay nhận lại đều được xem như một tổn thất, như một phần bội đối với bậc cha hay mẹ còn lại. Ví dụ như một người cha nói với đứa con: “À không! Mày không được tặng quà vào ngày lễ các bà mẹ cho cái con... đó”. Mọi động thái tin tưởng hướng về một bậc sinh thành lại gây sự oán trách công khai hay ngầm ngầm từ phía bậc sinh thành bên kia. Cần nhấn mạnh lại rằng ta đang ở trong bối cảnh mối quan hệ chứ không phải trong vấn đề ưa ái tính dục hay xung đột nội tâm. Vì vậy, sự ngờ vực

giữa các bậc cha mẹ không thể giúp đưa trẻ cho đi, nhận lại từ phía này hay phía kia. Khi lòng trung thành bị chia cắt, một ngõ cụt xuất hiện trước mắt đứa trẻ. Nó không thể cho đi, nhận lại, hoàn trả bất cứ điều gì, và một trong những lối thoát bị kịch chính là cái chết: tự sát hoặc tai nạn. Đứa trẻ bị liên lụy vào xung đột giữa cha mẹ, nó không thể lựa chọn hay tìm cách giải quyết bên ngoài bối cảnh này. Đứa trẻ trung thành vô điều kiện với cả hai bậc cha mẹ.

Đứa trẻ ngày nay đang đứng trước nguy cơ bị chia cắt lòng trung thành vì em là con của một cặp cha mẹ tan vỡ. Trong lúc ly thân, ly dị hay sau đó là thiết lập gia đình sau tái hôn, đứa trẻ bị vướng mắc vào một nút thắt quan hệ thường xuyên mang tính xung đột công khai hay tẻ hơn là một cách lén lút khi mà lòng trung thành vô hình bao phủ những mối quan hệ... Rất nhiều trường hợp có thể được nêu lên: người cha bỏ rơi đứa con, người mẹ loại bỏ đứa con ruột ra khỏi cuộc sống, việc sử dụng, lạm dụng đứa trẻ bởi cha, mẹ hay cả hai. Hơn nữa, đứa trẻ thường là mối dây thường trực của một trong hai bậc cha mẹ sau khi ly thân. Đứa trẻ ấy sống trong những giai đoạn mà nó chính là trung tâm của những chăm sóc tận tình của một trong hai bậc cha mẹ khi người này đang trong thời kỳ cô đơn tạm thời, rồi sau đó hay song song đó bị bỏ rơi bởi một bậc cha mẹ đang dần thân vào một quan hệ yêu đương thoáng qua, rồi lại “được” chăm sóc bởi bậc

cha hay mẹ đang trải qua thời kỳ vỡ mộng tình ái và cứ thế... Xuyên suốt những trải nghiệm sống của cha mẹ, đứa trẻ cũng thường được xem là mật thám của cha hay mẹ lên trên đời sống của người kia và ngược lại. Làm thế nào đứa trẻ có thể kiểm soát mối quan hệ và lòng trung thành của mình trong nhiệm vụ theo dõi ít nhiều công khai ấy? Làm sao để thỏa mãn người này mà không phản bội người kia? Trong gia đình sau tái hôn, làm sao để tiếp tục trung thành với người cha ruột trong khi vẫn sống với cha dượng? Đứa trẻ sẽ gọi cha dượng là gì, trẻ sẽ nói điều này cho cha ruột nghe như thế nào và làm sao để trẻ nói cho mẹ biết về cha ruột mà không làm mẹ buồn? Hơn nữa, nếu gia đình sau tái hôn bắt đầu có đồng thành viên hơn, làm thế nào để đứa trẻ đến từ cuộc phối ngẫu đầu tiên có thể tiếp tục trung thành với cha và mẹ ruột mà vẫn chấp nhận những đứa em kế?

Mối quan tâm của tiếp cận theo bối cảnh đối với những đứa trẻ ngày một đông hơn này được hiểu rõ hơn bởi lẽ những nguy cơ có thật liên quan đến sự lạm dụng, bóc lột, chia cắt lòng trung thành dù muốn hay không ngày càng hiện rõ.

Phụ mẫu hóa

Boszormenyi-Nagy được biết đến nhiều nhất qua khái niệm phụ mẫu hóa mà nhiều nhà trị liệu đã sử dụng lại. Thế nào là một đứa trẻ bị phụ mẫu hóa? Đó là đứa trẻ đã phải chăm lo, đóng góp quá nhiều vào cuộc sống của cha mẹ, nhưng điểm đặc biệt của tiếp cận theo bối cảnh là việc nhìn nhận rằng nếu sự phụ mẫu hóa gây tổn hại thì điều khủng khiếp nhất đối với đứa trẻ ắt sẽ là việc nó bị mất quyền chăm lo, bận tâm cho cha mẹ. Ta hãy xét một ví dụ cổ điển: một người mẹ đơn thân hiểu về những thành tựu của Freud và e sợ rằng đứa con trai của mình sẽ đánh mất bản thân nó vào trong ham muốn của người mẹ. Vì thế, trong những lúc buồn khổ nhất, bà mẹ ấy tránh gặp mặt đứa con để giúp nó không phải mang thêm gánh nặng là phải an ủi, động viên bà. Cùng trường hợp ấy, đối với một nhà trị liệu theo bối cảnh, đứa trẻ bị tước mất quyền cho đi và quyền dẫn thân đạo đức vào trong bối cảnh sống của mình. Không có quyền cho đi mà chỉ có quyền nhận. Khi ấy, đứa trẻ là đích đến duy nhất của những điều mà người mẹ cho đi. Người mẹ đã lấy mất của con trai quyền có được lòng nhân đạo bằng cách không tạo cơ hội cho những cử chỉ ân cần của đứa trẻ đối với mẹ trở nên chính đáng. Người lớn, bà mẹ, tự cho mình độc quyền công nhận đạo đức của bản thân với tư cách là tác nhân duy nhất có quyền cho đi.

Tiếp cận theo bối cảnh rất cần trọng trong việc không giải cứu một đứa trẻ bằng cách tách đứa trẻ ra khỏi gia đình, dù gia đình ấy có hỗn loạn đến đâu. Như đã đề cập từ trước, đứa trẻ có quyền tham gia đạo đức trong các bối cảnh sống đầu chúng có bị kịch, hỗn loạn. Catherine Ducommun-Nagy nhận định rằng đứa trẻ càng trung thành hơn nếu đó là một cặp cha mẹ xấu xa vì nó có thể cống hiến cho việc “sửa chữa, chữa lành”, chăm lo cho những bậc cha mẹ kém cỏi.

Đứa trẻ có quyền được hỗ trợ để bản thân nó hỗ trợ cho cha mẹ. Đứa trẻ có quyền được công nhận bởi nhà trị liệu vì những quan tâm mà trẻ dành cho cha mẹ và vì trẻ đã thực hiện quyền được cho đi của mình.

Lẽ dĩ nhiên sự phụ mẫu hóa cũng có thể tồn tại dưới dạng lạm dụng quá mức. Khi ấy, đứa trẻ rơi vào tình trạng “chính đáng hóa” quá mức và mất dần những đầu tư lên việc học hay lên bạn bè cùng lứa. Tính chính đáng quá mức giúp làm cho đứa trẻ có được rất nhiều công trạng, sự tin tưởng và đứa trẻ ấy sẽ có thể sẽ không cần tìm kiếm thêm những giá trị ấy bên ngoài gia đình nữa, ví dụ như trong thành tích thể thao hay học tập. Nói cách khác, sự phụ mẫu hóa là sự tận tụy mà đứa con dành cho cha mẹ và nó chỉ trở thành vấn đề khi đứa trẻ cho đi mà không có được sự công nhận từ phía người được cho – cha, mẹ, gia đình

mở rộng hay những chuyên gia làm việc với và về trẻ em.

Trở lại một chút với tình huống thất bại học đường của đứa trẻ: đây có thể là một cách biểu hiện sự phụ mẫu hóa vì đứa trẻ, thông qua những thành tích kém trong học đường, đang trao lại cho cha mẹ cơ hội lấy lại vai trò phụ huynh của mình. Quan điểm này rất đặc trưng của tiếp cận bối cảnh so với những trường phái trị liệu khác vì những trường phái này thường chú tâm vào việc hỗ trợ đứa trẻ trút bỏ gánh nặng đạo đức mà cuộc sống đổ dồn vào em. Ta cũng có thể cảm nhận sự quan tâm đặc biệt của nhà trị liệu bối cảnh trong việc tạo dựng đối thoại giữa trẻ và gia đình gốc khi trẻ buộc phải chia ly khỏi gia đình gốc để đến ở với gia đình tiếp đón hay viện nội trú. Ta cũng có thể thấy được sự cần trọng của nhà trị liệu trong việc hỗ trợ các bậc cha mẹ mà không làm thay cho họ và hỗ trợ đứa trẻ bằng việc chính đáng hóa và trách nhiệm hóa các bậc cha mẹ. Nhà trị liệu có thể nâng đỡ đứa trẻ phụ mẫu hóa bằng việc công nhận những hy sinh của đứa trẻ dành cho cha mẹ và giúp cha mẹ trẻ công nhận nỗ lực này của trẻ. Mức độ phụ mẫu hóa liên quan rất nhiều đến đối thoại giữa cha mẹ và trẻ.

Đứa con sinh ra từ một cặp cha mẹ mà sau này cả cha lẫn mẹ đều đã xây dựng gia đình mới với tính cân bằng hợp lý trong các mối quan hệ mới, có thể sẽ

cảm thấy bị bỏ rơi. Thường trẻ sẽ nhận lại những đóng góp vật chất hay tình cảm để bù đắp nhưng trẻ không thể cho đi bất cứ điều gì cho các bậc cha mẹ vì họ đang rất bận tâm với gia đình mới của mình. Đứa trẻ này không bị phụ mẫu hóa theo nghĩa đen, sự đóng góp của trẻ không bị khước từ vì trẻ chưa bao giờ được cha mẹ kêu gọi đóng góp, thậm chí đôi khi trẻ có thể cảm nhận rằng họ chẳng còn cần đến trẻ nữa. Khi ấy, đứa trẻ đứng trước nguy cơ trầm cảm rất lớn. Những đứa trẻ không thể có được tính chính đáng xây dựng và không thể cho đi, mang trong mình một nỗi đau khổ lớn lao. Cuối cùng, để tự xây dựng và phát triển, đứa trẻ nào cũng nên được kêu gọi đóng góp, cho đi, tham gia cùng với cha mẹ. Không có phụ mẫu hóa cũng đồng nghĩa với sự tắc nghẽn hoàn toàn các mối quan hệ đạo đức.

CHƯƠNG 3

Tiếp cận theo bối cảnh và những trường phái trị liệu lớn

Phân tâm học và tiếp cận theo bối cảnh

Chiều kích thứ tư của tiếp cận theo bối cảnh (đạo đức trong mối quan hệ) đã mở ra những góc nhìn mà Freud đã dự cảm nhưng đã không lưu tâm đến nữa để phát triển nên trường phái phân tâm học.

Ngày mà Freud đã đưa ra lý thuyết về huyền tưởng, những người cha đã được chứng minh vô tội đối với những tổn thất thực tế ghi nhận được. Kể từ đó, suốt trong một thế kỷ, cái nhìn này về tâm trí, về động cơ và ham muốn của con người, xu hướng tập trung vào cảm giác tội lỗi đã là trung tâm của diễn đàn trị liệu.

Quan điểm của tiếp cận theo bối cảnh mang tính tổng hợp, trong đó quan trọng nhất là bổ sung và làm phong phú thêm những lý thuyết của Freud. Boszormenyi-Nagy cũng như Freud đều cho rằng mỗi cá thể đều được thúc đẩy bởi những ham muốn nội tâm hướng tâm, những xung năng tính dục. Bên cạnh đó còn có những sự quan tâm mang tính đạo đức nguyên thủy, nền tảng trong mỗi động thái của từng

cá thể. Quyền cho đi, trách nhiệm, tính chính đáng, những lòng trung thành là những yếu tố cùng tham gia vào khía cạnh động cơ với những nhân tố vừa nêu trên. Đối với tiếp cận bối cảnh, sự coi trọng tính công bằng không đơn giản là một vấn đề mang tính nhiều tâm. Mỗi chúng ta ai cũng đều bị ảnh hưởng bởi số phận, cuộc sống và những người thân. Những đòi hỏi, yêu cầu của chúng ta không phải là tưởng tượng, tức là không chỉ được thúc đẩy bởi ham muốn, dục vọng có được một khách thể nào đó, ví dụ như ham muốn của một đứa bé gái có được cái dương vật. Tuy nhiên, cũng không nên gạt bỏ ý tưởng cho rằng sự đòi hỏi hoàn toàn có thể “vô lý”, đến từ sự ghen tuông hay ham muốn. Tương tự, ta cũng không thể gạt bỏ những tình huống trong đó những sự tấn công tưởng tượng chống lại những “bà mẹ xấu” hay huyền thoại giết cha chống lại một người cha căm đoán. Tiếp cận theo bối cảnh luôn nỗ lực không đánh đồng hay làm đơn giản hóa thực tế tâm trí thành thực tế các mối quan hệ. Ví dụ như sự tin tưởng. Sự tin tưởng có thể mang màu sắc chuyển cảm được kích hoạt thông qua một năng nghĩa. Chủ thể cảm nhận được sự tin tưởng, trải qua những xúc cảm mãnh liệt, sự tin tưởng này có thể là tức thời: một người phụ nữ luôn tin tưởng vào những người đàn ông có râu, hơi mồm mĩm và cô ta thực sự cảm thấy bị thu hút bởi họ. Có thể nói rằng những đối tượng được cô ta nhắm đến thường không nhận ra

những tình cảm mà cô ấy gợi lên và cô ấy ở vị trí, tâm thế như vậy thì cũng có lý do.

Ta đang ở trong sự lặp đi lặp lại bên ngoài thời gian vật lý. Những đối tượng, khách thể của chuyển cảm và phóng chiếu chỉ mang giá trị, ý nghĩa bởi sự đầu tư tâm trí mà những đối tượng này nêu ra. Ngược lại, sự tin tưởng xứng đáng lại hoàn toàn khác vì sự tin tưởng này được xây dựng trong suốt tiến trình của mối quan hệ trong đó các tác nhân có trách nhiệm đều có liên quan. Loại tin tưởng này thuộc về chiều kích thứ tư. Nhưng hãy nhớ rằng, đối với một người đàn ông, người mẹ và người vợ của anh ta có cùng một ý nghĩa tâm lý. Người này có thể là sự chuyển vị của người kia. Tuy nhiên, những món nợ trong mối quan hệ đạo đức không thể tương đồng cũng không thể hoán đổi cho nhau được. Quy định của mỗi quan hệ giữa người đàn ông và mẹ anh ta và giữa anh ta và người vợ không thể giống như nhau. Trong tiếp cận theo bối cảnh, nhân tố quyết định quan trọng nhất trong mỗi quan hệ chính là sự tin tưởng được xây dựng, sánh đôi với sự tin tưởng mang tính chuyển cảm. Sự duy trì lâu dài những mối đầu tư tính dục trên cùng một khách thể sẽ phải thông qua sự tin tưởng thu được trong lịch sử những mối quan hệ. Tiếp cận theo bối cảnh thấy rõ rằng hiểm nguy kinh điển của thời đại chúng ta (trong cả lĩnh vực trị liệu lẫn trong cuộc sống thường nhật) chính là việc quá chú trọng đến bộ

máy tâm trí. Bộ máy này vận hành ngay ở đây và ngay bây giờ, mang tính thời sự của cuộc gặp gỡ, của sự phóng chiếu, của những bộc phát mãnh liệt, của xúc cảm, của huyền tưởng, của chuyển cảm và phản chuyển cảm. Xem xét những khía cạnh ấy như là trung tâm của cách thức quan hệ đồng nghĩa với việc chỉ tin tưởng người khác khi họ không là chính họ mà là qua hình ảnh đại diện của họ hay qua những âm vang vào thế giới tâm trí và huyền tưởng của chính ta.

Nếu như những tiếng sét, sự chiếm hữu, sự quyến rũ là những gia vị chính của mỗi quan hệ thì độ tin cậy và sự tin tưởng xứng đáng đảm bảo cho tính bền vững của mỗi quan hệ ấy. Ta có thể lấy rất nhiều ví dụ để so sánh từng điểm một giữa chiều kích thứ hai và thứ tư nhằm mục đích kết nối chúng lại. Ví dụ, cảm giác tội lỗi có thể có nhiều căn nguyên: một trong số đó là nguồn gốc tâm trí theo Freud. Con người cảm thấy tội lỗi vì ước muốn xấu xa trong lòng lên người khác ngẫu nhiên được hoàn thành. Tội ác không được thực hiện nhưng cảm giác tội lỗi được biểu hiện qua triệu chứng nhiễu tâm mà chủ thể đeo mang. Bên cạnh đó còn có cảm giác tội lỗi hiện sinh liên quan đến sự nhạy cảm với tổn hại, đến sự bất công mà mình đã gây ra cho người khác. Ở đây, có lẽ sự thiếu vắng cảm giác có tội mới mang tính bệnh lý. Không cảm thấy ăn năn, vô cảm với nhu cầu của người khác, với những tổn hại và lợi dụng mà ta gây nên cho người khác. Ví dụ như

sự tàn độc trong những chỉ trích của cha mẹ lên con cái về vấn đề thành tích mà không hề xem xét đến những đầu tư và góp phần của đứa con lên trên mối quan hệ với cha mẹ. Cần phải phân biệt rõ một bên là nhu cầu sửa chữa, lòng biết ơn đến từ ham muốn tái lập các khách thể tốt bên trong và được hiện thực hóa trên những khách thể ngoài vô danh và chồng chéo lên nhau, với bên kia là lòng trung thành đặc trưng đối với một mối quan hệ.

Hơn nữa, cảm giác có tội nhiều tâm tưởng tượng càng giảm thì cảm giác có tội hiện sinh càng tăng. Ngược lại, sự giảm thấp một cách cố ý cảm giác tội lỗi hiện sinh có thể gây ra những triệu chứng tâm thể. Hãy xem xét ví dụ của Boszormenyi-Nagy về nhân vật Martin Buber. Một người đàn ông tố cáo chính cha ruột mình với Đức quốc xã và trong anh ta tích tụ cảm giác tội lỗi hiện sinh. Một tổn thất thực tế đã diễn ra: bố anh ta bị giết. Người con có thể vát vường với cảm giác có tội với những gì mình đã gây ra. Nỗi khổ đau tâm lý này giống như là một sự trả giá. Nếu anh ta đi gặp một phân tâm gia “có năng lực”, người giúp anh ta giải tỏa cảm giác có tội, anh ta sẽ càng cảm thấy có tội theo nghĩa hiện sinh vì anh ta không còn phải trả giá cho sự phản bội nhờ vào cảm giác có tội nữa. Anh ta đứng trước nguy cơ bộc phát những hành vi tự hủy hoại. Một trong những lối thoát khả thi cho anh ta là tích lũy những công lao thông

qua những hành động đóng góp cho con người. Điều này không xóa đi những tổn thất đã gây ra nhưng lại giúp anh ta thu nhận thêm tính chính đáng. Một món nợ quan hệ với một người còn sống hay đã mất không thể được giải quyết bằng việc phát ngôn ra món nợ ấy hay thông qua việc tái dựng cảnh hay một trò chơi. Anh ta “tự thoại”, tự nhìn nhận, tự đánh giá trong những hệ lụy, giữa các đối tác. Lấy lại ví dụ về những phương thức trị liệu cảm xúc, đánh đập cái gối, vật thể đại diện biểu tượng cho người cha đã bắt kẻ khác phải chịu đựng bạo hành, là một thời điểm trị liệu mà những xúc cảm chưa bao giờ được bộc lộ có cơ hội được giải bày. Tuy nhiên, việc ấy nhằm vào khai thác những nguồn lực khác chứ không phải là tạo ra cơ hội để các đối tác có thể đối thoại với nhau.

Trong một lĩnh vực khác, ví dụ như trong các nhóm thiếu số bị áp bức, sự tích lũy quyền hủy diệt có thể tạo ra sự vô cảm với kẻ khác, làm giảm cảm giác tội lỗi hiện sinh và tăng nguy cơ xảy ra những hành động vũ trang. Nhằm vạch ra sự nối kết giữa phân tâm và tiếp cận theo bối cảnh, ta nên đưa ra một số nhận định về sự thận trọng cần thiết khi làm việc, chăm sóc trẻ em trong bối cảnh cá nhân.

Boszormenyi-Nagy nói với các phân tâm gia rằng việc chỉ chăm chữa cho cá nhân đứa trẻ, nhất là khi chúng đến từ một gia đình hiện đại hỗn loạn, sẽ là

nguy cơ làm tăng trách nhiệm của đứa trẻ đối với sự hỗn độn xung quanh chúng, như thể sự hỗn loạn ấy chính là sản phẩm trực tiếp của đời sống tâm trí của riêng trẻ. Hơn nữa, những chuyển cảm dương tính mà đứa trẻ hướng đến nhà trị liệu nhờ vào việc nhà trị liệu luôn dành phần lắng nghe cho trẻ có thể mang nguy cơ khiến cho đứa trẻ vướng kẹt trong một xung đột lòng trung thành với cha mẹ chúng, bởi vì cha mẹ không thể lắng nghe trẻ hay đối xử tốt với trẻ như nhà trị liệu. Đứa trẻ sẽ gặp nguy trong cuộc xung đột lòng trung thành nếu nhà trị liệu cho chúng nhiều hơn những gì cha mẹ cho chúng. Đối với những thành công quá lớn, quá nhanh khi đứa trẻ dường như “để cho nhà trị liệu chữa bệnh cho mình” hay “đạy bảo mình”, ta cần phải thực sự thận trọng và nghi ngờ.

Tiếp cận hệ thống và bối cảnh

Tiếp cận bối cảnh của Boszormenyi-Nagy, người tiên phong của trị liệu gia đình, lưu giữ những đóng góp của trường phái hệ thống. Tuy nhiên, ông phê bình cái nhìn về gia đình của trường phái hệ thống: trường phái này xem gia đình như một hệ thống các tương tác trong đó các quy luật, ranh giới các thể hệ và quyền lực là những yếu tố quyết định đối với

triệu chứng cân bằng gia đình. Đối với ông, cái nhìn này quá hạn hẹp. Tuy vậy, đóng góp lớn nhất của tư tưởng này đó là việc khái niệm hóa việc can thiệp cho gia đình lấy nền tảng từ gia đình hôn phối. Bằng triệu chứng của mình, đưa trẻ đảm bảo tính cân bằng của một hệ thống tương đối dễ xác định phạm vi. Thế nhưng, tiếp cận bối cảnh phát triển nhằm đáp lại những khó khăn mới mà đưa trẻ gặp phải trong những gia đình tan vỡ hay/và sau tái hôn, hiện trạng thường gặp trong xã hội hiện nay.

Một đứa trẻ đã sống một thời gian trong một gia đình cô điển với cả cha lẫn mẹ, sau đó người mẹ sống một mình, rồi sau nữa là những giai đoạn mà đứa trẻ phải sống với mẹ kế, cha dượng và có thể là cả những anh em cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha hay thậm chí là con riêng của họ..., câu hỏi là làm sao đứa trẻ ấy có thể xác định những ranh giới của hệ thống xung quanh mình? Ta cũng không quên rằng đứa trẻ ấy còn phải đối diện với các bậc ông bà và những đại diện của các thế hệ trước. Trẻ có thể là mối dây thường trực nhất của các bậc cha mẹ kể từ khi họ đi ra khỏi gia đình gốc. Trẻ bước vào những mối liên hệ, trao đổi mang tính nâng đỡ hoặc lạm dụng hoặc cả hai cùng lúc. Trẻ cũng từng chứng kiến, trải qua những giây phút mà cha mẹ luôn sẵn sàng chăm lo cho mình và những giây phút họ tập trung hơn cho cuộc sống yêu đương lứa đôi. Nó cũng có thể đã thấy cha

hay mẹ mình gương dạy, làm lại cuộc đời mà song song đó vẫn chứng kiến sự cô đơn của người kia. Đứa trẻ sẽ có xu hướng đến gần với người đang gặp khó khăn hơn hay ngược lại, trẻ muốn lớn lên với người cha hoặc mẹ có nhiều cơ hội để thăng tiến, phát triển? Dù sao đi nữa, ta đều nhận thấy rằng đặt ra một giả thiết mang tính hệ thống trên triệu chứng của trẻ dường như là một cuộc đánh cược vì việc xác định những ranh giới trong bối cảnh sống của trẻ là điều bất khả thi.

Trong bối cảnh nhùng nhằng, mập mờ trên, vấn đề không phải là việc xác định những quy tắc xử sự ngầm (ai bắt ai phải làm điều gì) mà việc tìm hiểu ai đang bị tổn thương, ai giúp đỡ cho ai, ai không thể cho người khác biết về những đòi hỏi của mình, ai trả nợ thay cho ai... có lẽ sẽ là những động thái có lợi hơn.

Trong bối cảnh hệ thống gia đình hiện đại, việc quay phim nhằm đặt ra những giả thiết về giao tiếp trong gia đình là ít quan trọng. Việc xác định những điểm tinh tế trong những trò chơi quan hệ trong gia đình cũng không quá quan trọng. Tuy nhiên, đặt ra câu hỏi về tính công minh trong các mối quan hệ, về sự trung thành, có được tính chính đáng và mức độ phụ mẫu hóa thực sự là những việc ưu tiên. Tiếp cận theo bối cảnh làm thay đổi cách đọc một trường hợp và cách can thiệp cho trường hợp ấy. Giả thiết về cách

vận hành của gia đình, minh họa về huyền thoại khai sinh (mythe fondateur) của gia đình được tiếp cận theo bối cảnh xem như một sự xây dựng và khai sáng, một cái nhìn củng cố đến từ nhà trị liệu nhưng đó không phải là điều tối cần thiết và nền tảng của tiếp cận theo bối cảnh. Điều nền tảng và cần thiết ở đây chính là việc đề cập đến sự coi trọng và sự quan tâm của người này với người kia, nhất là những đứa trẻ đã phải bị chịu những chọn lựa hiện sinh của cha mẹ. Những can thiệp của nhà trị liệu hệ thống xung quanh vị trí của đứa trẻ-triệu chứng, việc xác định khung làm việc, mở rộng tích cực, xây dựng những điều mới mẻ, định nghĩa lại các mối quan hệ đều có thể mang tính giúp đỡ nhưng không liên quan đến việc tìm ra một cách thức quan tâm, dẫn thân mới mẻ hơn.

Ở đây ta có quan điểm khác với trường phái hệ thống theo chủ nghĩa xây dựng. Họ cho rằng khó khăn lớn nhất của mỗi quan hệ chính là hình dung về mối quan hệ. Tiếp cận theo bối cảnh thì khác, ta là nạn nhân của những tổn hại hoặc ta không phải. Tất nhiên vấn đề này mang tính chủ quan nhưng việc là nạn nhân của những tổn hại hoàn toàn khác với một chủ đích (chiến lược) nạn nhân hóa.

Là nạn nhân của những tổn hại không phải là một vấn đề mang tính văn hóa, tái cấu trúc, quan điểm hay diễn giải. Tính cân bằng, sự công minh, sự qua

lại, tính trách nhiệm nằm trong một thực tế khác so với sự đồng thuận mang màu sắc học thuật về cái nhìn về một vấn đề. Sự tận tụy của thể hệ hiện tại hay sự thiếu ân cần đối với những thể hệ tương lai thực sự mang tính đạo đức, đơn chiều và không liên quan đến kỹ thuật phản hồi hệ thống (feed-back systématique) chỉ chăm chăm xác định các tác nhân cùng dự phần. Tóm lại, phân tâm học giúp ta hiểu rằng chủ thể có thể không ý thức về ý nghĩa của điều gì đó, lý thuyết hệ thống giúp ta xây dựng những góc nhìn mới về các mối quan hệ bằng cách đưa ý nghĩa vào trong các mối quan hệ. Tiếp cận theo bối cảnh mở ra trong tâm lý trị liệu việc coi trọng trách nhiệm qua lại giữa người với người chứ không phải là lần mò và chú giải lại quá khứ.